

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 29 - 8 - 2024.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Mạnh Trường.

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Ch�ú Tài M, sinh năm 2002. Trú tại: Bản Q, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2001. Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Ch�ú Tài M trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Hoàng H ngày 13 tháng 4 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cá tính, anh H hay đánh đập chửi mắng chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ

tháng 07 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 7 năm 2024, ông Nguyễn Mạnh H1 (bố đẻ anh H) trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng H và chị Chiu T Múi kết hôn năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình ông đến tháng 7 năm 2021 chị M bỏ nhà đi, từ đó không quay về. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị, ông không biết. Về việc chị M xin ly hôn với anh H, ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông đã thông báo cho anh H biết về việc chị M xin ly hôn và nội dung các văn bản của Tòa án nhưng anh H đang đi làm ăn xa, không về được, anh có quan điểm: anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị M anh H đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chiu Tài M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị M phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M anh H là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Cháu Tài M và anh Nguyễn Hoàng H kết hôn ngày 13 tháng 4 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị M bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2021, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh H không có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh H đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Cháu Tài M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Cháu Tài M và anh Nguyễn Hoàng H.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Án phí: Chị Cháu Tài M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004032 ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị M phải nộp. Chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Cháu Tài M, anh Nguyễn Hoàng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Liêm Hải;
- UBND xã Quảng Sơn, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Dũng**